

Cáp truy nhập luồng ống (DAC) Ducted Access Cable (DAC)

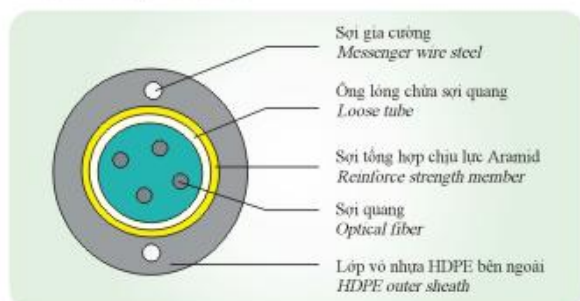
Đặc tính kỹ thuật và ứng dụng / Technical characteristics and application

- Từ 2 – 12 sợi quang SMF / Capacity: 2 to 12 fibers.
- Cáp có đường kính nhỏ, gọn và nhẹ, dễ lắp đặt, xử lý và vận chuyển / Small diameter cables, compact and lightweight, easy to install, handle and transport.
- Thích hợp cho kết nối trực tiếp đến thuê bao
- Cáp được thiết kế phù hợp cho sử dụng / Cable is designed for use appropriate to the:
 - Hệ thống mạng cục bộ / Local area network system
 - Hệ thống mạng thuê bao / The subscriber network system
 - Hệ thống thông tin nội bộ / Internal information systems

- Các thông số cáp đáp ứng theo tiêu chuẩn TCN 68-160:1996, TCVN 6745:2000, TCVN 8665 và IEC, EIA.

Cable parameters conform with TCN 68-160:1996, TCVN 6745:2000, TCVN 8665 & IEC, EIA.

Cấu trúc / Structure



Thông số kỹ thuật / Technical Specifications	Tiêu chuẩn / Standard
Số sợi quang / Capacity optical fiber	2 – 12 sợi quang / 2 – 12 fiber
Hợp chất điền đầy ống lỏng / Filling compound	Dầu Jelly / Jelly compound
Vỏ bảo vệ / Sheath	Nhựa HDPE màu đen / High Density Polyethylene
Đường kính ngoài của cáp / Diameter cable	6.5 mm – 8.5 mm
Bán kính uốn cong nhỏ nhất khi lắp đặt Minimum bending radius while installation	20 lần đường kính ngoài của cáp 20 times of overall diameter cable
Bán kính uốn cong nhỏ nhất sau khi lắp đặt Minimum bending radius after installation	10 lần đường kính ngoài của cáp 10 times of overall diameter cable
Sức bền kéo khi lắp đặt / Ultimate Tension Strength	1000 N
Sức bền kéo sau khi lắp đặt / Estimate Tension Strength	700 N
Sức bền nén / Applied load Crush Resistance	500N/100mm
Nhiệt độ khi lắp đặt / Installation temperature	- 05°C to 50°C
Nhiệt độ khi làm việc / Operating temperature	- 10°C to 70°C
Nhiệt độ lưu trữ / Storing temperature	- 10°C to 70°C

TCN 68-160:1996, TCVN 6745:2000, TCVN 8665 và IEC, EIA